SAO Y; Tỉnh Lạng Sơn; 30/12/2023 08:02:26 +07:00

| BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
|---|---|
| | Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
| Số: 4134 /QĐ-BTNMT | *Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Công bố mức sản xuất và tiêu thụ cơ sở các chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát (HFC) của Việt Nam và tổng lượng tiêu thụ quốc gia giai đoạn 2024 - 2028

## BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;*

*Căn cứ Thông báo của Ban thư ký ô-dôn về mức sản xuất và tiêu thụ cơ sở các chất HFC của Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố mức sản xuất và tiêu thụ cơ sở các chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát (HFC) của Việt Nam và tổng lượng tiêu thụ quốc gia giai đoạn 2024 - 2028 tại Phụ lục kèm theo, bao gồm:

1. Mức sản xuất cơ sở các chất HFC là 0 tấn $CO_2$ tương đương.

2. Mức tiêu thụ cơ sở các chất HFC là 13.991.360 tấn $CO_2$ tương đương.

3. Tổng lượng tiêu thụ quốc gia giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2028 là 13.991.360 tấn $CO_2$ tương đương.

**Điều 2.** Giao Cục Biến đổi khí hậu chủ trì tổng hợp, báo cáo tổng lượng tiêu thụ các chất HFC hằng năm gửi Ban thư ký ô-dôn; trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định công bố tổng lượng tiêu thụ các chất HFC của Việt Nam theo từng giai đoạn.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu, các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- PTTgCP Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ trưởng Đặng Quốc Khánh (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Công Thương, Tài chính;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cổng thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, VP(TH), BĐKH.

**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**

**Lê Công Thành**

# PHỤ LỤC

## Mức sản xuất và tiêu thụ cơ sở các chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát (HFC) của Việt Nam và tổng lượng tiêu thụ quốc gia giai đoạn 2024 - 2028

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

| STT | Tên chất | Năm | Mức sản xuất cơ sở ($tCO_2tđ$) | Mức tiêu thụ cơ sở *($tCO_2tđ$)* | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1. | Hydrofluorocarbons (HFC) | 2020 | 0 | 10.061.296 | |
| 2. | Hydrofluorocarbons (HFC) | 2021 | 0 | 9.765.603 | |
| 3. | Hydrofluorocarbons (HFC) | 2022 | 0 | 10.727.091 | |
| | **Mức cơ sở các chất HFC của Việt Nam** | | **0** | **13.991.360** | Quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều 23 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn. |
| | **Tổng lượng tiêu thụ quốc gia giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2028 không vượt mức** | | | **13.991.360** | Quy định tại điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn. |